TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **323**/2018/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 01 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 401/2018/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn" giữa người yêu cầu:

- Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1979; Đăng ký hộ khẩu và cư trú: số 25, ngách 65/22 phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

- Chị **Phạm Thị Vân A**, sinh năm 1984; Đăng ký hộ khẩu: số 25, ngách 65/22 phố P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú; số 91 đường Nguyễn Trung Thiên, phường Tân Giang, thành phố H, tỉnh H.

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Anh Nguyễn Anh T và chị Phạm Thị Vân A có Giấy chứng nhận kết hôn số 91/2014 quyển sổ VI ngày 14 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **Nguyễn Anh T** và chị **Phạm Thị Vân A**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Anh T và chị Phạm Thị Vân A thuận tình ly hôn.

b) Về con chung:

Giao cháu **Nguyễn Mộc M**, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Vân A thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Chị Vân A có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

c) Về tài sản chung và nhà ở:

- Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì;

d) Về các khoản vay nợ:

Hai bên xác nhận không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về lệ phí: Anh Nguyễn Anh T tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 8572 ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường P, quận B, thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long